

**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**SỐ TNDKSP: 043/2023/ĐKSP**

**COLOSCARE 24H 2+**

**Năm 2023**

UBND TỈNH BẮC NINH  
BAN QUẢN LÝ  
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2023

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 043/2023/ĐKSP**

Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **ColosCare 24h 2+**

do CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Lô VII.2, Lô V.11 và Lô V.12 KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 40/2023/TCSP-NUTRI

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố. /

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Vinh Thanh**

Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm  
Email: bqlatp@bacninh.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh  
Ngày ký: 07-08-2023 16:54:50 +07:00

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 40/2023/CBSP-NUTRI

### **I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02466833368

Fax: 0437858999

Email: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:..... Ngày cấp/ Nơi cấp:.....

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

### **II. Thông tin về sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm: ColosCare 24h 2+**

**2. Thành phần:**

Bột sữa, Maltodextrin, Sucrose, Béo thực vật, Sữa non Colos 24h, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbât, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*) Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

**3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):** Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

**4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.**

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

**5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).



**Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Lô VII.2, Lô V.11 và Lô V.12 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

*(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 40/2023/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Minh*

**THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITIONAL INFORMATION**

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột/Per 100g powder	Trong 210 ml pha chuẩn/Per 210ml serving
<b>Năng lượng/Energy</b>	kcal	442	177
<b>Chất đạm/Protein</b>	g	16.2	6.48
Lysin/Lysine	mg	281	112
Leucin/Leucine	mg	1084	434
Isoleucin/Isoleucine	mg	604	242
Valin/Valine	mg	716	287
Arginin/Arginine	mg	491	196
Histidin/Histidine	mg	309	124
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	510	204
Tyrosin/Tyrosine	mg	432	173
Threonin/Threonine	mg	508	203
Methionin/Methionine	mg	266	107
Tryptophan/Tryptophan	mg	159	63.7
Cystin/Cystine	mg	140	55.8
Axit glutamic/Glutamic acid	mg	2449	980
Axit aspartic/Aspartic acid	mg	961	384
Glycin/Glycine	mg	256	103
Alanin/Alanine	mg	397	159
Prolin/Proline	mg	1053	421
Serin/Serine	mg	639	256
<b>Chất béo/Lipid</b>	g	15.0	6.00
ALA (Alpha linolenic acid)	mg	360	144
LA (Linoleic acid)	mg	1330	532
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	25.0	10.0
<b>Carbohydrate tổng/Total carbohydrate</b>	g	62.5	25.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2.83	1.13
<b>Prebiotics (FOS/Inulin)</b>			
<b>Sữa non Colos 24h/Colostrum Colos 24h</b>	mg	7500	3000
IgG	mg	1212	485
Lactoferrin	mg	22.1	8.84
Taurin/Taurine	mg	34.2	13.7
Cholin/Choline	mg	50.0	20.0
HMO (Fucosylactose (2'-FL))	mg	190	76.0
Lợi khuẩn/Postlactis (Lactococcus lactis)	tiểu bào	10 x 10 <sup>8</sup>	4 x 10 <sup>8</sup>
<b>Vitamin/Vitamins</b>			
Vitamin A	IU	1507	602
Vitamin D3	IU	348	139
Vitamin E	IU	8.40	3.36
Vitamin K1	µg	15.2	6.09
Vitamin C	mg	63.3	25.3
Vitamin B1	µg	420	168
Vitamin B2	µg	648	259
Niacin	µg	5380	2152
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	1840	736
Vitamin B6	µg	786	314
Axit folic/Folic acid	µg	148	59.0
Vitamin B12	µg	1.43	0.57
Biotin	µg	11.7	4.66
<b>Khoáng/Minerals</b>			
Natri/Sodium	mg	284	114
Kali/Potassium	mg	384	154
Clor/Chloride	mg	482	193
Canxi/Calcium	mg	465	186
Phot pho/Phosphorus	mg	364	146
Ty lê Canxi/Phot pho	mg	1.28	1.28
Magiê/Magnesium	mg	81.0	32.4
Sắt/Iron	mg	6.73	2.69
Kẽm/Zinc	mg	5.61	2.25
Mangan/Manganese	µg	446	178
Đồng/Copper	µg	137	54.6
I-ốt/Iodine	µg	74.1	29.6
Selen/Selenium	µg	22.9	9.15
Crôm/Chromium	µg	7.53	3.01
Molybden/Molybdenum	µg	15.8	6.33

**THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:**

Bột sữa, Maltodextrin, Sucrose, Béo thực vật, **Sữa Non Colos 24h**, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm. Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

Milk powder, Maltodextrin, Sucrose, Vegetable fat, Colostrum Colos 24h, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxin hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), DHA from fish oil, Postbiotic (Lactococcus lactis), Synthetic vanilla flavor.

Product contains Milk, Soy protein, Fish oil.

**ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:**

Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi có nguy cơ suy dinh dưỡng, trẻ cần tăng sức đề kháng, tăng cân nặng, tăng chiều cao./For children from 2 – 10 years of age who are at risk of malnutrition, children who need to strengthen their resistance, gain weight and increase height.

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:**

Nên dùng 2 – 3 ly/ngày. /Use 2 – 3 servings per day. Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Or follow doctor/dietitian's instructions.

**HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/HOW TO PREPARE:**

Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).

Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 40 g (4 muỗng gạt) ColosCare 24h 2+ vào./Pour 180 ml of warm water into the utensils, then add 40 g (4 scoops) of ColosCare 24h 2+.

Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml dung dịch ColosCare 24h 2+. Thử độ nóng và cho bé dùng./Stir well until the powder is completely dissolved to get 210 ml ColosCare 24h 2+. Check the heat before feeding.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using ColosCare 24h 2+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
 VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.  
 Điện thoại: 024.866.833.368  
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.  
 Địa chỉ: Lô VII.2, Lô V.11 và Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
 Số TNDKSP: Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.



# COLOScare 24h

ĐỂ KHÁNG KHỎE, BÉ TĂNG CÂN

**10TỶ LỢI KHUẨN**  
HMO TIÊU HÓA KHỎE

**SỮA NON 24h TỪ MỸ**

**LƯỢNG KHÁNG THỂ CAO**  
**IgG 1200+**  
**SỮA NON 24h**

**Chất xơ** **HMO** **DHA** **CANXI**

**800g**  
**SẢN PHẨM DINH DƯỠNG**  
**COLOSCARE 24H 2+**  
**DÀNH CHO TRẺ TỪ 2 - 10 TUỔI**

**10TỶ LỢI KHUẨN**  
HMO TIÊU HÓA KHỎE

**COLOSCARE 24H 2+**

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung Sữa Non Colos 24h từ Mỹ cùng 10 Tỷ Lợi Khuẩn và hơn 56 dưỡng chất giúp đề kháng khỏe, bé tăng cân.

**56+ DƯỠNG CHẤT**

**TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG HIỆU QUẢ**

Lượng kháng thể **IgG cao vượt trội 1200mg<sup>®</sup>** từ **Sữa Non Colos 24h** nhập khẩu Mỹ, kháng thể IgG (số lượng nhiều nhất và khả năng hoạt động miễn dịch mạnh trong cơ thể) đánh dấu virus, vi khuẩn gây bệnh để tế bào miễn dịch nhận diện và tiêu diệt. Cùng **Lactoferrin** giúp bảo vệ cơ thể khỏi các vi sinh vật gây bệnh. Từ đó, **tăng cường sức đề kháng cho bé khỏe mạnh.**

**TĂNG CÂN KHỎE MẠNH & CHIỀU CAO**

**Năng lượng** và **Đạm chất lượng cao** cũng hơn **56 dưỡng chất** thiết yếu giúp bé tăng cân khỏe mạnh, bất kíp đã tăng trưởng. Bổ sung **Canxi** và **Vitamin D3** với tỷ lệ Canxi/Phot pho thích hợp giúp phát triển hệ xương và chiều cao của trẻ.

LƯỢNG KHÁNG THỂ CAO

**IgG 1200+**

**SỮA NON 24h**

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ**

Tăng cường **DHA** cùng **Taurine, Axit Folic, I-ốt** giúp phát triển não bộ và thị giác, hỗ trợ quá trình học hỏi, ghi nhớ và tăng cường nhận thức của trẻ.

**TIÊU HÓA KHỎE, NGỪA TÁO BÓN**

**HMO** giúp giảm tình trạng nhiễm khuẩn bằng cách hạn chế sự xâm nhập của các vi khuẩn và vi-rút gây bệnh, hỗ trợ tiêu hóa khỏe. **Bổ sung 10 tỷ lợi khuẩn.** Cùng chất xơ (FOS/Inulin) ngừa táo bón cho trẻ.

**CÔNG DỤNG/FEATURE:**

ColosCare 24h 2+ dùng để thay thế bữa ăn phụ, bổ sung các vi chất dinh dưỡng, DHA và kháng thể tự nhiên từ sữa non phù hợp sinh lý lứa tuổi, giúp trẻ phát triển khỏe mạnh. ColosCare 24h 2+ replaces snacks, supplements micronutrients, DHA and natural antibodies from colostrum suitable for physiological ages, helps children develop healthily.

**BẢO QUẢN/STORAGE:**

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.

(1) Sữa và sản phẩm Metacare 1 (2) Bơ sữa và Đạm chất lượng cao (3) 10 tỷ lợi khuẩn trong 100g sản phẩm (4) Nguyên liệu Sữa non 24h nhập khẩu từ Mỹ

**CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG**  
 MIỄN BÁC: 1800.6011 (Miễn phí cuộc gọi đến)  
 MIỄN NAM: 028.73.009.888  
 www.nutricare.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
**BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**  
**Số: 40/2023/TCSP-NUTRI**

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.  
Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.  
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

**1. Tên sản phẩm: ColosCare 24h 2+**

**2. Thành phần cấu tạo**

Bột sữa, Maltodextrin, Sucrose, Béo thực vật, Sữa Non, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

**3. Chỉ tiêu cảm quan:**

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

**4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g
Năng lượng	kcal	354
Chất đạm	g	13,0
Lysin	mg	225
Leucin	mg	867
Isoleucin	mg	483
Valin	mg	573
Arginin	mg	393
Histidin	mg	247



Phenylalanin	mg	408
Tyrosin	mg	346
Threonin	mg	406
Methionin	mg	213
Tryptophan	mg	127
Cystin	mg	112
Axit glutamic	mg	1959
Axit aspartic	mg	769
Glycin	mg	205
Alanin	mg	318
Prolin	mg	842
Serin	mg	511
<b>Chất béo</b>	g	12,0
LA	mg	1064
ALA	mg	288
DHA	mg	20,0
<b>Carbohydrate tổng</b>	g	47,8
Đường tổng số	g	22,9
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2,26
IgG	mg	970
Lactoferrin	mg	17,7
Taurin	mg	27,4
Cholin	mg	40
HMO	mg	152
Lợi khuẩn/Probiotics ( <i>Lactococcus lactis</i> plasma)	tế bào	$8 \times 10^9$
<b>Vitamin</b>		
Vitamin A	IU	1206
Vitamin D3	IU	278
Vitamin E	IU	6,72
Vitamin K1	$\mu\text{g}$	12,2
Vitamin C	mg	50,6
Vitamin B1	$\mu\text{g}$	336

Vitamin B2	µg	518
Niacin	µg	4304
Axit pantothenic	µg	1472
Vitamin B6	µg	629
Axit folic	µg	118
Vitamin B12	µg	1,14
Biotin	µg	9,36
<b>Khoáng</b>		
Natri	mg	227
Kali	mg	307
Clo	mg	386
Canxi	mg	372
Phốt pho	mg	291
Tỷ lệ Canxi/ Phốt pho		1,02
Magiê	mg	64,8
Sắt	mg	5,38
Kẽm	mg	4,49
Mangan	µg	357
Đồng	µg	110
I-ốt	µg	59,3
Selen	µg	18,3
Crôm	µg	6,02
Molypden	µg	12,6

### 5. Chỉ tiêu an toàn:

**5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật:** Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

**5.2. Hàm lượng kim loại nặng:** Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
-----	--------------	--------	------------

1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg	0,105
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

**5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

### 6. Đối tượng sử dụng

Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi có nguy cơ suy dinh dưỡng, trẻ cần tăng sức đề kháng, tăng cân nặng, tăng chiều cao.

### 7. Công dụng

Dùng để thay thế bữa ăn phụ, bổ sung các vi chất dinh dưỡng, DHA và kháng thể tự nhiên từ sữa non phù hợp sinh lý lứa tuổi, giúp trẻ phát triển khỏe mạnh.

### 8. Lượng dùng khuyến nghị

Nên dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

### 9. Hướng dẫn sử dụng

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
- 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

Lưu ý:

- Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

**10. Hướng dẫn bảo quản**

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

**11. Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

**12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói**

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**13. Các biện pháp phân biệt thật giả:**

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

**14. Xuất xứ sản phẩm.**

**THƯƠNG NHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.6683.3368

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare. Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**, Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Minh*

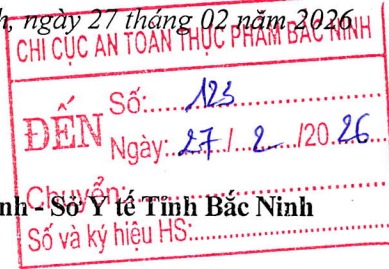
CÔNG TY CỔ PHẦN  
DINH DƯỠNG NUTRICARE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2026/CV-NU

V/v Thông báo cập nhật tiêu chuẩn  
sản phẩm sau công bố

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2026



Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong suốt quá trình thực hiện công bố sản phẩm tại địa phương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đã thực hiện thủ tục Đăng ký công bố sản phẩm sau tại Ban Quản lý an toàn thực phẩm Tỉnh Bắc Ninh:

Tên sản phẩm	Số TNDKSP	Ngày công bố
ColosCare 24h 2+	043/2023/ĐKSP	07/08/2023

Căn cứ Khoản 4, điều 8, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Công ty xin phép được thông báo cập nhật một số chỉ tiêu an toàn trong tiêu chuẩn sản phẩm của sản phẩm nêu trên phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể:



Thông tin cũ			Thông tin cập nhật		
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
<b>Bổ sung chỉ tiêu Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> (<i>Staphylococcal enterotoxin</i>):</b>					
Tên chỉ tiêu		Đơn vị	Mức tối đa		
Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> ( <i>Staphylococcal enterotoxin</i> )		/25g	KPH		
<b>Bổ sung chỉ tiêu Melamin:</b>					
Tên chỉ tiêu		Đơn vị	Mức tối đa		
Melamin		mg/kg	2,5		

*(Tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm.)*

Các nội dung khác trong bản công bố và nhãn sản phẩm (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo) không thay đổi so với hồ sơ đã công bố. Công ty cam kết đảm bảo chất lượng, an toàn và phù hợp quy định hiện hành.

Kính mong Quý Chi cục ghi nhận và lưu hồ sơ theo quy định.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

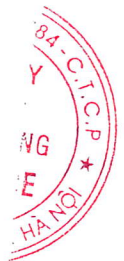
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Đức Minh*



**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
**BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**  
**Số: 40/2023/TCSP-NUTRI**

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

**1. Tên sản phẩm: ColosCare 24h 2+**

**2. Thành phần cấu tạo**

Bột sữa, Maltodextrin, Sucrose, Béo thực vật, Sữa Non, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

**3. Chỉ tiêu cảm quan:**

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột toì, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

**4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g
Năng lượng	kcal	354
Chất đạm	g	13,0
Lysin	mg	225
Leucin	mg	867
Isoleucin	mg	483
Valin	mg	573
Arginin	mg	393

Histidin	mg	247
Phenylalanin	mg	408
Tyrosin	mg	346
Threonin	mg	406
Methionin	mg	213
Tryptophan	mg	127
Cystin	mg	112
Axit glutamic	mg	1959
Axit aspartic	mg	769
Glycin	mg	205
Alanin	mg	318
Prolin	mg	842
Serin	mg	511
<b>Chất béo</b>	g	12,0
LA	mg	1064
ALA	mg	288
DHA	mg	20,0
<b>Carbohydrate</b>	g	47,8
Đường tổng số	g	22,9
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2,26
IgG	mg	970
Lactoferrin	mg	17,7
Taurin	mg	27,4
Cholin	mg	40
HMO	mg	152
Lợi khuẩn/Probiotics ( <i>Lactococcus lactis</i> plasma)	tế bào	$8 \times 10^9$
<b>Vitamin</b>		

104  
 CÔNG  
 CÔNG  
 CÔNG  
 HU  
 106

Vitamin A	IU	1206
Vitamin D3	IU	278
Vitamin E	IU	6,72
Vitamin K1	µg	12,2
Vitamin C	mg	50,6
Vitamin B1	µg	336
Vitamin B2	µg	518
Niacin	µg	4304
Axit pantothenic	µg	1472
Vitamin B6	µg	629
Axit folic	µg	118
Vitamin B12	µg	1,14
Biotin	µg	9,36
<b>Khoáng</b>		
Natri	mg	227
Kali	mg	307
Clo	mg	386
Canxi	mg	372
Phốt pho	mg	291
Tỷ lệ Canxi/ Phốt pho		1,02
Magiê	mg	64,8
Sắt	mg	5,38
Kẽm	mg	4,49
Mangan	µg	357
Đồng	µg	110
I-ốt	µg	59,3
Selen	µg	18,3
Crôm	µg	6,02

93  
 NG  
 ) PH  
 H D  
 (RI  
 /ÁY

Molypden	µg	12,6
----------	----	------

### 5. Chỉ tiêu an toàn:

**5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật:** Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100
5	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> ( <i>Staphylococcal enterotoxin</i> )	/25g	KPH

**5.2. Hàm lượng kim loại nặng:** Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg	0,105
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) ( <i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i> )	mg/kg	250

**5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

### 5.4. Hàm lượng Melamin:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	2,5

## 6. Đối tượng sử dụng

Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi có nguy cơ suy dinh dưỡng, trẻ cần tăng sức đề kháng, tăng cân nặng, tăng chiều cao.

## 7. Công dụng

Dùng để thay thế bữa ăn phụ, bổ sung các vi chất dinh dưỡng, DHA và kháng thể tự nhiên từ sữa non phù hợp sinh lý lứa tuổi, giúp trẻ phát triển khỏe mạnh.

## 8. Lượng dùng khuyến nghị

Nên dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

## 9. Hướng dẫn sử dụng

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
  - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
  - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
  - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
  - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

Lưu ý:

- Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

## 10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

**11. Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

## 12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg.  
(Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

## 13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

## 14. Xuất xứ sản phẩm.

**THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.6683.3368

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare. Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,  
Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,  
Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Kí tên, đóng dấu)



*[Handwritten signature]*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Minh*

